

Bản án số: 531/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-7-2019  
V/v không công nhận quan hệ  
vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thúy Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phòng
2. Ông Mai Thanh Giàu

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Quang là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Hà Thanh T; Địa chỉ: đường T, thị trấn H, huyện H, Thành phố H

2. *Bị đơn:* ông Đoàn Quang V; Địa chỉ: đường N, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

*(Các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 30/5/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thanh T trình bày:

Bà và ông Đoàn Quang V có gặp gỡ vào năm 2015. Do ngoài ý muốn nên bà và ông V có 01 con chung tên Đoàn Hà Kim N. Thực tế, ông bà không chung sống, không đăng ký kết hôn, cũng không tổ chức đám cưới. Do không có tình cảm với nhau và để ổn định cuộc sống nên bà đề nghị Tòa án không công nhận

quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Đoàn Quang V. Bà đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Quang V trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian hai người quen biết và tình trạng thực tế của ông bà. Đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà T. Ông đồng ý giao con chung tên Đoàn Hà Kim N cho bà T nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữa nguyên các ý kiến đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông V; Giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông V và ông V cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

\* Về thủ tục tố tụng: Bà T và ông V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông V.

\* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì đủ cơ sở để xác định bà Hà Thanh T và ông Đoàn Quang V đã gặp gỡ vào năm 2015. Do ngoài ý muốn nên bà và ông V có 01 con chung nhưng không chung sống, không đăng ký kết hôn, cũng không tổ chức đám cưới.

Xét bà T và ông V có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào các điều 8, 9 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông V.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố H và lời khai của các đương sự thì có đủ căn cứ xác định bà T và ông V có 01 người con chung tên Đoàn Hà Kim N

Xét, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và ông V cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà T, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 8, 9, 14, 15, 53, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hà Thanh T và ông Đoàn Quang V

2. Về con chung: Giao bà Hà Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Hà Kim N và ông Đoàn Quang V không cấp dưỡng nuôi con

Ông Đoàn Quang V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Hà Thanh T chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hà Thanh T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thúy Quỳnh**